TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4- 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khánh Thành, ông Nguyễn Thành Long.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên toà số 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: đội 4, ấp Đ, xã K, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. Căn cước công dân số: 075 190 015 276, cấp ngày 20-8-2021

- *Bị đơn*: Anh **Phạm K**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 201A/T, ấp PN, xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. Căn cước công dân số: 075 085 017 711.

(Chị T và anh K vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi T và anh Phạm K quen biết tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/02/2014. Đây là lần đăng ký kết hôn đầu tiên của chị T.

Sau khi kết hôn quá trình chung sống vợ chồng đã không hạnh phúc và xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm danh dự lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không giải quyết được và ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên

năm 2017, chị T đã chuyển về nhà cha mẹ ruột của chị T để sinh sống, từ đó đến nay chị T và anh K đã không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được nay chị T xin được ly hôn với anh Phạm K.

Về con chung: Theo chị T vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Phạm N, sinh ngày 28/10/2014 và Phạm T, sinh ngày 27/02/2017 và hiện nay các con chung đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung chị T khai vợ chồng không có nợ chung

* Bị đơn anh Phạm K vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của chị Bùi T.

* Theo biên bản xác minh ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị T và anh K, được thực hiện tại nơi cư trú của các đương sự, thể hiện:Tại biên bản xác minh công an xã GT cung cấp anh Phạm K đang cư trú tại địa chỉ 201A/T, ấp PN, xã GT, huyện TN, qua xác minh ông Vũ Kim Duyên trưởng ấp PN và bà Đặng Thị Diễm Anh – chủ tịch hội phụ nữ xã Gia Tân 3 cung cấp: quan hệ hôn nhân giữ chị T và anh K có mâu thuẫn hay không ban ấp và hội phụ nữ không lắm được vì ban ấp và Hội phụ nữ không thấy các đương sự trình báo cũng như yêu cầu hoà giải nên địa phương không nắm được Ngoài ra địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn gì khác.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:***

Về tố tụng*:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: nguyện vọng của nguyên đơn, cũng như diễn biến quá trình giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Phạm N, sinh ngày 28/10/2014 và Phạm T, sinh ngày 27/02/2017 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K do chị T chưa yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[**1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn chị Bùi T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Phạm K có nơi cư trú tại: số 201A/T, ấp PN, xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Bùi T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn anh Phạm K vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh K.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Bùi T và anh Phạm K tự nguyện kết hôn có đăng ký và được xã UBND xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/4/2019. Căn cứ các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị T và anh K là hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị T thì thấy:

Theo trình bày của chị T về mâu thuẫn Sau khi kết hôn quá trình chung sống vợ chồng đã không hạnh phúc và xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm danh dự lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không giải quyết được và ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên năm 2017, chị T đã chuyển về nhà cha mẹ ruột của chị T để sinh sống, từ đó đến nay chị T và anh K đã không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong cuộc sống của chị T và anh K đã để xảy ra mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục dẫn đến vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, hôn nhân không thể hàn gắn, thể hiện việc chị T và anh K đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay nên nguyện vọng ly hôn của chị T là chính đáng. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mời anh K nhiều lần đến Tòa án làm việc nhưng anh K không đến, không có ý kiến thể hiện anh K cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ, bỏ mặc hôn nhân giữa chị T và anh K. Vì vậy, căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi T trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Phạm N, sinh ngày 28/10/2014 và Phạm T, sinh ngày 27/02/2017 và hiện nay con chung đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị T, cũng như để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường của con trẻ cần giao cháu Phạm

N, sinh ngày 28/10/2014 và Phạm T, sinh ngày 27/02/2017 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K do chị T chưa yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 ; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 118 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của chị Bùi T.

+ Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Bùi T và anh Phạm K được ly hôn.

+ Về con chung: Giao các cháu Phạm N, sinh ngày 28/10/2014 và Phạm T, sinh ngày 27/02/2017 cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K do chị T chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo vệ và tôn trọng mọi quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm) nghìn đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008972 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Niêm yết theo quy định cua pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Các đương sự;

- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã GT, h TN,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Quang Phúc